

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 119/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Vũ Đức Hải Đ, sinh ngày 10 tháng 9 năm: 1987; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ liên lạc: 8/129, phường T, Thành phố Huế.

2. Chị Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 24 tháng 11 năm 1989; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 11 năm 2022 các đương sự đã thỏa thuận các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết N và anh Vũ Đức Hải Đ tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33/2011 ngày 28/11/2011. Qua hòa giải đoàn tụ không thành, hai bên thực sự tự nguyện ly hôn.

[2] Về con chung: Cả hai đương sự đều xác nhận vợ chồng có hai con chung gồm: Vũ Đức Hải T sinh ngày 31/5/2012, Vũ Trần Đông C sinh ngày 17/5/2015. Vợ chồng thỏa thuận giao cháu Vũ Đức Hải T cho anh Vũ Đức Hải Đ và giao cháu Vũ Trần Đông C cho chị Trần Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2022 cho đến khi cả hai cháu T và C đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai đương sự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí Tòa án: Hai đương sự thỏa thuận anh Vũ Đức Hải Đ tự nguyện chịu toàn bộ số tiền lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Đức Hải Đ và chị Trần Thị Tuyết N.

- Về con chung: giao cháu Vũ Đức Hải T cho anh Vũ Đức Hải Đ và giao cháu Vũ Trần Đông C cho chị Trần Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2022 cho đến khi cả hai cháu T và C đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: hai đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Hai đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về nợ chung: Hai đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Vũ Đức Hải Đ tự nguyện chịu toàn bộ số tiền lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0002028 ngày 18/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền; anh Đ đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã P;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Ấn văn.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt